TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI OSAKA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 95/QĐ - OSA	*Osaka, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Công khai số thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 09 tháng năm 2026

TỔNG LÃNH SỰ VIỆT NAM TẠI OSAKA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 ngày 18/6/2009 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và Luật số 08/2026/QH16 ngày 23/4/2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 129/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BTC ngày 03/02/2020 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BNG ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-BNG ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc cắt giảm 10% dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-BNG ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện công khai số thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 09 tháng năm 2026 *(Biểu số liệu theo mẫu số 75 và bản thuyết minh kèm theo).*

Điều 2. Hình thức: Công bố tại cuộc họp giao ban và đăng công khai trên website của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bộ phận Văn phòng- Quản trị, Kế toán và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục QTTV;
- Bộ phận Kế toán;
- Lưu: CQĐD.

TỔNG LÃNH SỰ



Nguyễn Trường Sơn

TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM
TẠI OSAKA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Osaka, ngày 09 tháng 10 năm 2026

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/QĐ-OSA ngày 09 tháng 10 năm 2026 của TLSQ Nam tại Osaka)

TLSQ Việt Nam tại Osaka công khai thuyết minh tình hình thực hiện thu, chi dự toán NSNN 09 tháng năm 2026 của TLSQ như sau:

I. Kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách

Tổng số thu nộp ngân sách phí, lệ phí 9 tháng năm 2026 đạt 764.332,47 USD, bằng 106,16% dự toán năm, bằng 133,85% cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Thu lệ phí đạt 642.842,60 USD, bằng 118,61% dự toán năm và bằng 134,84% cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Hộ chiếu: 637.172,45 USD, bằng 120,22% dự toán năm và bằng 136,14% cùng kỳ năm trước.

+ Quốc tịch: 5.670,15 USD, bằng 47,25% dự toán năm và bằng 64,97% cùng kỳ năm trước.

- Thu phí (chủ yếu từ xác nhận đăng ký công dân và thị thực các loại) đạt 121.489,87 USD, bằng 68,25% dự toán năm, bằng 128,85% cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Xác nhận, đăng ký công dân: 84.876,56 USD, bằng 67,90% dự toán năm và bằng 132,75% cùng kỳ năm trước.

+ Thị thực các loại đạt 29.959,24 USD, bằng 63,74% dự toán, bằng 110,84% cùng kỳ năm trước.

+ Chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự đạt 1.077,30 USD, bằng 53,86% dự toán năm và bằng 127,64% cùng kỳ năm trước.

+ Phí công chứng, chứng thực đạt 5.576,77 USD, bằng 139,42% dự toán năm và bằng 224,92% cùng kỳ năm trước.

II. Tình hình chi ngân sách

1. Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 là 821.529,20 USD. Ước thực hiện 9 tháng năm 2026 đạt 636.726,93 USD, bằng 77,51% dự toán năm và bằng 142,04% cùng kỳ năm trước (448.257,29 USD).

2. Chi quản lý hành chính chiếm toàn bộ nguồn chi ngân sách, đạt 636.726,93 USD, bằng 77,51% kế hoạch năm, trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đạt 570.747,98 USD, bằng 77,07% dự toán, bằng 128,79% cùng kỳ năm trước, bao gồm chi về con người, tiêu chuẩn, định mức và chi thường xuyên còn lại.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ đạt 65.978,95 USD, bằng 81,46% dự toán và bằng 1.294,17% cùng kỳ năm 2025. Kinh phí tăng đột biến so với cùng kỳ do được duyệt mua xe ô tô dùng chung mới trong năm 2026.

(Chi tiết Biểu số 75 kèm theo)

III. Kết luận

- Công tác thu ngân sách được triển khai đúng quy định, đảm bảo thu nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước (tổng thu 9 tháng năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm 2025, chủ yếu do lượng hồ sơ xin cấp hộ chiếu và xác nhận đăng ký công dân tăng).

- Chi ngân sách thực hiện đúng dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị - đối ngoại của TLSQ.

- Công tác thực hiện thu, chi dự toán NSNN 9 tháng năm 2026 của TLSQ Việt Nam tại Osaka được triển khai đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch./.

Nơi nhận:
- Cục QTTV;
- Lưu: VT, Kế toán.

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu)

TỔNG LÃNH SỰ QUÁN C.H.X.H.C.N VIỆT NAM TẠI O.SAKA-NHẬT BẢN

Nguyễn Trường Sơn

BIỂU SỐ 75

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính)

CQĐD Việt Nam tại: Osaka, Nhật Bản

Mã đơn vị: 006

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 09 THÁNG NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

TLSQ Việt Nam tại Osaka công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 09 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: Đô la Mỹ (quy đổi)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện (9 tháng năm 2026)	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện 9 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=(4/3)*100	6	7 = (4/6)*100
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**720,000.00**	**764,332.47**	**106.16**	**571,033.36**	**133.85**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**720,000.00**	**764,332.47**	**106.16**	**571,033.36**	**133.85**
1	***Lệ phí***	***542,000.00***	***642,842.60***	**118.61**	***476,742.57***	**134.84**
	Lệ phí cấp hộ chiếu	530,000.00	637,172.45	120.22	468,015.53	136.14
	Lệ phí về quốc tịch	12,000.00	5,670.15	47.25	8,727.04	64.97
	Đăng ký nuôi con nuôi					
2	***Phí***	***178,000.00***	***121,489.87***	**68.25**	***94,290.79***	**128.85**
	Thị thực các loại	47,000.00	29,959.24	63.74	27,028.79	110.84
	Xác nhận, đăng ký công dân	125,000.00	84,876.56	67.90	63,938.52	132.75
	Chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự	2,000.00	1,077.30	53.87	844.02	127.64
	Công chứng, chứng thực	4,000.00	5,576.77	139.42	2,479.46	224.92
	Xác minh giấy tờ, tài liệu					
	Tiếp nhận và vận chuyển đơn, chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam					
	Khác					
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**0.00**	**0.00**		**0.00**	
1	***Chi sự nghiệp.....***	***0.00***	***0.00***		***0.00***	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ					
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ					
2	***Chi quản lý hành chính***	***0.00***	***0.00***		***0.00***	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ					
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**720,000.00**	**764,332.47**	**106.16**	**571,033.36**	**133.85**
1	***Lệ phí***	***542,000.00***	***642,842.60***	**118.61**	***476,742.57***	**134.84**
	Lệ phí cấp hộ chiếu	530,000.00	637,172.45	120.22	468,015.53	136.14
	Lệ phí về quốc tịch	12,000.00	5,670.15	47.25	8,727.04	64.97

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện (9 tháng năm 2026)	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện 9 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=(4/3)*100	6	7 = (4/6)*100
	Đăng ký nuôi con nuôi	0.00	0.00		0.00	
2	***Phí***	***178,000.00***	***121,489.87***	**68.25**	***94,290.79***	**128.85**
	Thị thực các loại	47,000.00	29,959.24	63.74	27,028.79	110.84
	Xác nhận, đăng ký công dân	125,000.00	84,876.56	67.90	63,938.52	132.75
	Chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự	2,000.00	1,077.30	53.87	844.02	127.64
	Công chứng, chứng thực	4,000.00	5,576.77	139.42	2,479.46	224.92
	Xác minh giấy tờ, tài liệu					
	Tiếp nhận và vận chuyển đơn, chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam					
	Khác					
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**821,529.20**	**636,726.93**	77.51	**448,257.29**	**142.04**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**821,529.20**	**636,726.93**	77.51	**448,257.29**	**142.04**
1	***Chi quản lý hành chính***	***821,529.20***	***636,726.93***	77.51	***448,257.29***	**142.04**
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	740,529.20	570,747.98	77.07	443,159.13	128.79
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	**81,000.00**	**65,978.95**	**81.46**	**5,098.16**	**1,294.17**
	Kinh phí không thường xuyên	65,000.00	63,042.46	96.99	5,098.16	1,236.57
	Nhiệm vụ Ngoại giao kinh tế	10,000.00	0.00		0.00	
	Đề án Thông tin đối ngoại	6,000.00	2,936.49	48.94	0.00	